TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2024
"V/v Ly hôn giữa bà Liên và ông Phong"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Ông Huỳnh Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1053/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Phương L, sinh năm: 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 249/14 đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: Nhà không số, tổ B, ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm: 1968

Địa chỉ: 2 đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Lê Phương L trình bày: Bà Nguyễn Lê Phương L và ông Nguyễn Minh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyển số 01/04 ngày 19/01/2004. Theo bà L thì sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhiều nơi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng rất yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình khi đó cũng khá đầm ấm và hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian thì đến năm 2020 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra gây gổ cãi vã nhau; bên cạnh đó còn do ông P sống không có trách nhiệm với gia đình, mọi việc trong nhà đều do một tay bà lo liệu, thu xếp. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2022, bà L đã dẫn theo con bỏ về sống với bố mẹ của mình tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông P vẫn sống tại địa chỉ 281/56/8 đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và kể từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay, bà L nhận thấy thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Nguyễn Lê Phương L và ông Nguyễn Minh P có 02 người con chung Nguyễn Minh Duy, sinh ngày: 16/11/2004 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 05/7/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Minh T và chưa yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; còn đối với con chung Minh D đã trưởng thành, nên bà không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà L xác nhận vợ chồng không có công nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P đều vắng mặt nên không có lời khai, đồng thời Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Phương L được ly hôn với ông Nguyễn Minh P và giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày: 05/7/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Lê Phương L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh P, nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung. Như vậy, quan hệ tranh chấp ở đây là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Minh P có địa chỉ cư trú tại 2 đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Nguyễn Minh P (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Minh P.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn và tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Phương L và ông Nguyễn Minh P chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyển số 01/04 ngày 19 tháng 01 năm 2004 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo bà L xuất phát từ tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, làm cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay xảy ra gây gổ cãi vã nhau, bên cạnh đó còn do ông P sống không có trách nhiệm với gia đình, mọi việc trong nhà đều do một tay bà lo liệu, thu xếp. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2022, bà L đã dẫn theo con bỏ về sống với bố mẹ của mình tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay; còn phía bị đơn ông Nguyễn Minh P trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng nơi cư trú của ông Nguyễn Minh P như sau: *"Ông Nguyễn Minh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 2 L, Phường A, quận T. Thực tế Nguyễn Minh P đang cư trú tại địa phương"*.

Tại Văn bản số 852/UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023, Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: *"...Ủy ban nhân dân Phường*

A1 trả lời như sau: không tiếp nhận nội dung liên quan đến mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Minh P, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Lê Phương L, sinh năm: 1982”.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng ông P đều vắng mặt, cho thấy ông P không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra từ lâu và nghiêm trọng như bà L trình bày là có thật. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P và bà L đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa. Vì vậy, với yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L có nguyện vọng xin được nuôi cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày: 05/7/2012. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, thể hiện giữa bà L và ông P không có sự thỏa thuận về việc nuôi con chung; mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía ông P vắng mặt không có lời khai nên không rõ yêu cầu. Xét thời điểm hiện tại cháu Minh T đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng cháu. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 03/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, cháu Minh T trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, nên cần phải tôn trọng nguyện vọng của cháu. Hiện tại cháu Minh T mới hơn 11 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ.

Về điều kiện kinh tế để nuôi con chung, thấy rằng hiện tại bà L có chỗ ở ổn định và thực tế hiện nay cháu Minh T đang ở với mẹ tại địa chỉ nhà không số, tổ B, ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi đó ông P vẫn đang phải ở nhờ nhà chị gái của mình tại địa chỉ số B L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó cho thấy bà L có điều kiện đầy đủ hơn về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn ông P. Bên cạnh đó, tại phiên tòa bà L cũng đã đưa ra được hướng cụ thể về cách dạy dỗ, chăm sóc con chung nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cũng tạo mọi điều kiện để ông P cũng như các thành viên trong gia đình ông P cùng tham gia chăm sóc, giáo dục cháu Minh T, để cháu nhận được sự thương yêu, quan tâm từ cả hai phía gia đình nội ngoại. Hiện tại cháu Minh T đã quen với điều kiện, môi trường sống và được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao cháu Minh T cho ông P nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của trẻ nên cần giao cháu Minh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Riêng đối với con chung Nguyễn Minh D1, sinh ngày 16/11/2004 đến thời điểm xét xử đã trưởng thành, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã **giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng bà L không yêu cầu. Xét việc bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng là tự nguyện**, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu ông P có đủ căn cứ cho rằng bà L không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, đồng thời cũng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà L xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Phương L.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Lê Phương L và ông Nguyễn Minh P.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày: 05/7/2012 cho bà Nguyễn Lê Phương L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L tạm thời chưa yêu cầu ông Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với con chung Nguyễn Minh D1, sinh ngày 16/11/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Ông P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lê Phương L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà Nguyễn Lê Phương L xác nhận không có công nợ chung nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Lê Phương L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0024186 ngày 01 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Ông Nguyễn Minh P không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- UBND Phường 1, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyển số 01/04 ngày 19/01/2004);
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính